

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ
trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Thủy sản,
Địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 3371/QĐ-BNNMT ngày 16/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 895/TTr-SNNMT ngày 24/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành

chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Thủy sản, Địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KTCN, TTTT, TTPVHCC;
- Lưu: VT, TTPVHCC₀.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Nhân

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN, ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thủy sản (03 TTHC)					
1	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	- Cấp mới: 06 ngày làm việc - Cấp lại: 03 ngày làm việc.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.go.vn	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 - Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024;
2	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	- 03 ngày làm việc (đối với xác nhận nguồn gốc); - 07 ngày làm việc (đối với xác nhận mẫu vật).			- Luật Thủy sản năm 2017; - Điều 40 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019;

3	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Luật Thủy sản năm 2017; - Điều 39 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019;
II Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản (01 TTHC)						
4	1.014346	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	Không quy định	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	- Điều 90 Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Điều 119 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

Phụ lục II
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC THỦY SẢN, ĐỊA CHẤT
VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG
QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (04 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC THỦY SẢN (03 TTHC)	
1	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	
2	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	
3	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	
II	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN (01 TTHC)	
4	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Chăn nuôi, thủy sản và Thú y: CN, TS&TY
- Phòng Quản lý Môi trường và Khoáng sản: PQLMT&KS
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT

I. LĨNH VỰC THỦY SẢN (03 TTHC)

1. Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản

- **Trường hợp 1:** Cấp mới, thời gian thực hiện TTHC: 06 ngày làm việc x 08 giờ = 48 giờ.

- **Trường hợp 2:** Cấp lại, thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH 1	TH 2
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển đến lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC tại TTPVHCC	04 giờ	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	02 giờ
B3	Thẩm định nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo văn bản giải quyết	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	22 giờ	10 giờ
B4	Xem xét hồ sơ, báo cáo kết quả xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	08 giờ	04 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	08 giờ	04 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	02 giờ	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH 1	TH 2
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			48 giờ	24 giờ

2. Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên

- Trường hợp 1: đối với xác nhận nguồn gốc

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ

- Trường hợp 2: đối với xác nhận mẫu vật

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH 1	TH 2
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển đến lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC tại TTPVHCC	02 giờ	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	02 giờ	02 giờ
B3	Thẩm định nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do; - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp đạt yêu cầu: dự thảo văn bản giải quyết	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	10 giờ	32 giờ
B4	Xem xét hồ sơ, báo cáo kết quả xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT dự thảo văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ	08 giờ
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ	08 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	02 giờ	04 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết			24 giờ	56 giờ

3. Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng.

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển đến lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	CCMC tại TTPVHCC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho tổ chức/cá nhân biết để bổ sung, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thêm, thông báo cho tổ chức/cá nhân để hoàn chỉnh hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, dự thảo văn bản trình lãnh đạo phòng. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc, thành lập Đoàn kiểm tra để đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo loài thủy sản (nếu cần).	Chuyên viên Phòng CN, TS&TY	16 giờ
B4	Kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện thực tế của cơ sở nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cấy nhân tạo loài thủy sản (nếu cần).	Đoàn kiểm tra	16 giờ
B5	Xem xét hồ sơ xử lý, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng CN, TS&TY	08 giờ
B6	Xem xét, ký duyệt văn bản liên quan	Lãnh đạo Sở NN&MT	08 giờ
B7	Đóng dấu, phát hành văn bản; Chuyển kết quả đến CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	02 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết; Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			56 giờ

II. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN (01 TTHC)

1. Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản

- Tổng thời gian thực hiện TTHC: Không quy định, (thực hiện theo tình hình thực tế của cơ quan chuyên môn: 20 ngày làm việc).

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ nếu đủ điều kiện ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo PQLMT&KS. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể cho tổ chức, cá nhân.	CCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo PQLMT&KS	01 ngày
B3	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các dữ liệu giao nộp, hình thức và quy cách của từng loại dữ liệu, tài liệu, mẫu vật địa chất, khoáng sản. - Trường hợp dữ liệu giao nộp chưa đạt yêu cầu, lập Biên bản kiểm tra, nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung. - Trường hợp dữ liệu giao nộp đạt yêu cầu, tổng hợp kết quả kiểm tra, thẩm định, dự thảo văn bản trình lãnh đạo phòng xem xét, trình ký Giấy xác nhận giao nộp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản.	Chuyên viên PQLMT&KS	10 ngày
B6	Kiểm tra kết quả thẩm định, nội dung biên bản kiểm tra; Trình lãnh đạo Sở ký Giấy xác nhận giao nộp.	Lãnh đạo PQLMT&KS	03 ngày
B7	Ký Giấy xác nhận giao nộp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản;	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 ngày
B8	Phát hành văn bản	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B9	- Thống kê và theo dõi; - Thông báo, trả kết quả	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày làm việc